

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 04-8-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng.
2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04/8/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 82/2023/TLST-DS ngày 27/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 14/5/2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 12/2024/TB-TA ngày 25/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 12/6/2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 12/2024/TB-TA ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V. Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1-Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A1-Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý. Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T2-Chuyên viên xử lý nợ. Theo văn bản ủy quyền số 193/2023/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 16/5/2023. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1983. Đều có địa chỉ: Khu dân cư H1 2, phường M1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Ông T1, bà Đ1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị Đ1 vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V - Chi nhánh Hải Dương-Phòng giao dịch L, theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng LD1805800781 ngày 26/02/2018; số tiền vay: 280.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng, mua sắm nội thất gia đình; Lãi suất theo thỏa thuận trong khế ước nhận nợ; các kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả theo định kỳ, 01 tháng/lần vào ngày 19, mỗi kỳ trả nợ gốc 5.830.000đ, riêng kỳ cuối là 5.990.000đ và lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 19 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên là ngày 19/3/2018.

2. Hợp đồng thế tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử không T1 sản đảm bảo với hạn mức tín dụng 5.000.000đ.

3. Hợp đồng tín dụng LD1830201154 (thấu chi) ngày 29/10/2018; số tiền vay: 29.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng; Lãi suất theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung.

4. Hợp đồng cho vay LD1936000573 (kênh online), ngày 26/12/2019; số tiền vay: 40.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng; Lãi suất ban đầu 19%/năm.

5. Hợp đồng tín dụng LD2000800200 (kênh online), ngày 08/01/2020; số tiền vay: 96.000.000 đồng; Thời hạn vay: 19/12/2022; Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng; Lãi suất ban đầu 19%/năm.

6. Hợp đồng tín dụng LD2100500782 (kênh online), ngày 05/01/2021; số tiền vay: 67.000.000 đồng; Thời hạn vay: Đến ngày 19/12/2023; mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng; Lãi suất ban đầu 20%/năm.

Khi vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V thì các bên có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/02/2018. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp cùng ngày. Theo đó tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là quyền sử dụng 430m² đất ở, tại thửa đất số 415, Tờ bản đồ 02, địa chỉ: Khu dân cư H1 3, phường M1, thị xã K, tỉnh Hải Dương đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất mang tên Phạm Thị Đ1 vào ngày 24/6/2002 và các tài sản trên đất.

Sau khi ký kết các hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã phát hành thẻ tín dụng và giải ngân cho ông T1, bà Đ1 số tiền 280.000.000đ vào ngày 27/02/2018 thông qua khế ước nhận nợ số LN 1802080519056 ngày 26/02/2018; số tiền 67.000.000đ vào ngày 05/01/2021; số tiền 40.000.000đ vào ngày 26/12/2019; số tiền 29.000.000đ vào ngày 29/10/2018; số tiền 96.000.000đ vào ngày 08/01/2020 và số tiền 4.857.084đ vào ngày 27/10/2021 (là số tiền cơ cấu nợ của Hợp đồng LD2100500782). Ông T1, bà Đ1 đã nhận đủ số tiền vay và định kỳ

hàng tháng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông T1, bà Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần V. Cụ thể: Khoản vay 280.000.000đ phía bị đơn đã trả được 251.918.686đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/10/2021; Khoản vay 29.000.000đ phía bị đơn đã trả được 27.949.288đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 15/10/2021; Khoản vay 40.000.000đ phía bị đơn đã trả được 20.668.091đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/10/2021; Khoản vay 96.000.000đ phía bị đơn đã trả được 48.192.440đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/10/2021; Khoản vay 67.000.000đ phía bị đơn đã trả được 13.386.000đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/11/2021; đối với khoản vay thẻ tín dụng, số tiền bị đơn chưa thanh toán là 12.417.030đ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, trường hợp ông T1, bà Đ1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ sẽ phải chịu các khoản lãi gồm: Lãi quá hạn và lãi phạt. Lãi phạt được tính trên cơ sở lãi trong hạn x10%.

Nay phía Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu Tòa án: Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị Đ1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 14/5/2024, khoản tiền này là: Nợ gốc: 149.885.495đ; Nợ lãi: 102.483.410đ; lãi phạt: 14.343.051đ. Tổng cộng: 279.128.986đ. Tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ nói trên theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/7/2023 cho đến ngày ông T1, bà Đ1 thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V. Trường hợp ông T1, bà Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2024, bà Phạm Thị Đ1 trình bày:

Vợ chồng bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án để đến làm việc nhưng do chồng bà làm nghề lái xe, còn bà nấu cơm cho công ty nên không thu xếp được thời gian để đến Tòa án làm việc được. Hôm nay Tòa án về xem xét, thẩm định tại chỗ bà xin có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 26/02/2018, vợ chồng bà có vay vốn tại Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần V với số tiền vay là 280.000.000đ, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 16%/năm, mỗi kỳ thanh toán số tiền là 5.830.000đ, kỳ cuối 5.990.000đ. Ngân hàng đã giải ngân số tiền nêu trên cho vợ chồng bà thông qua khế ước nhận nợ cùng ngày 26/02/2018. Để đảm bảo nghĩa vụ khoản vay, vợ chồng bà có thể chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 02, diện tích 430m², đã được cấp bìa mang tên bà-Phạm Thị Đ1 vào ngày 24/6/2002 và toàn bộ tài sản trên đất thông qua hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/02/2018. Ngoài ra, vợ chồng bà còn vay vốn bằng các hợp đồng tín dụng lần lượt là: Hợp đồng ngày

29/10/2018, số tiền vay 29.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng; hợp đồng ngày 05/01/2021, số tiền vay 67.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng; hợp đồng ngày 26/12/2019, số tiền vay 40.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng; hợp đồng ngày 27/10/2021, số tiền vay 4.857.084đ, thời hạn vay 12 tháng; hợp đồng ngày 08/01/2020, số tiền vay 96.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng; hợp đồng thế tín dụng ngày 22/3/2018, số tiền vay 5.000.000đ. Phía ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay, vợ chồng bà đã nhận đủ và thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Vào tháng 9/2021, chồng bà là ông Nguyễn Văn T1 có lái xe gây tai nạn và phải bồi thường số tiền gần 1 tỷ đồng. Vợ chồng bà phải vay mượn người thân, quen để bồi thường số tiền nêu trên. Do kinh tế vợ chồng khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng từ tháng 12/2021 âm lịch cho đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần đến gia đình thông báo nợ gốc, nợ lãi và động viên vợ chồng bà trả nợ nhưng do không có điều kiện nên vợ chồng bà không thanh toán nợ cho ngân hàng được. Tổng số nợ gốc là 202.139.002đ và lãi suất phát sinh mà ngân hàng thông báo và khởi kiện đến Tòa án bà hoàn toàn nhất trí, nhưng do khó khăn nên bà đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi và cho vợ chồng bà trả dần. Đối với tài sản thế chấp là của vợ chồng bà, các con Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 2001 và Nguyễn Văn Chính, sinh năm 2003 không có đóng góp, công sức, tiền bạc gì trong khối tài sản chung của vợ chồng bà.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày:* Tại biên bản ghi lời khai, do cộng nhầm nên tôi xác định số nợ gốc bị đơn chưa thanh toán là 149.885.495đ. Sau khi đối chiếu các giấy tờ tài liệu liên quan, tra soát lại số liệu hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần V, tôi xác định tổng số nợ bị đơn chưa thanh toán, tính đến hết ngày 04/8/2024 là: Nợ gốc 154.742.579đ; nợ lãi: 124.879.786đ; lãi phạt: 16.959.996đ. Tổng cộng: 296.582.361đ. Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần V nêu trên.

- *Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Văn bản trình bày ý kiến, bà Phạm Thị Đ1 trình bày:* Vào năm 2018, vợ chồng bà vay vốn tại ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần V để chung tiền mua xe ô tô chạy hàng. Thời gian đầu việc làm ăn của vợ chồng thuận lợi nên định kỳ bà trả gốc + lãi đầy đủ cho ngân hàng. Tuy nhiên, vào tháng 10/2019, chồng bà là ông Nguyễn Văn T1 lái xe bị tai nạn và phải bồi thường số tiền 1.255.000.000đ. Do kinh tế vợ chồng không đủ khả năng nên phải bán xe ô tô với giá 400.000.000đ, cộng với tiền Bảo hiểm xe, bảo hiểm dân sự thanh toán là 350.000.000đ vợ chồng bà phải vay mượn người thân trong gia đình số tiền khoảng hơn 500.000.000đ để bồi thường thiệt hại. Sau khi bị tai nạn, vợ chồng bà không có công việc và thu nhập nên không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Ngày 05/01/2021, do khó khăn về tài chính và không có khả năng

để thanh toán các khoản nợ đến hạn của khoản vay trước nên bà có làm thủ tục vay online của Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 67.000.000đ, theo hợp đồng tín dụng LD2100500782. Vào ngày 27/10/2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, không có khả năng thanh toán các kỳ trả nợ đến hạn, bị quá hạn nên bà trực tiếp gọi điện đến hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần V để làm thủ tục cơ cấu nợ và gia hạn thời hạn trả nợ. Theo đó, bà và Ngân hàng thương mại cổ phần V thỏa thuận cơ cấu nợ của khoản vay 67.000.000đ. Theo đó, số tiền cơ cấu nợ bà chưa thanh toán cho ngân hàng số tiền là 4.857.084đ. Nay ngân hàng yêu cầu bà phải thanh toán nợ, bà hoàn toàn đồng ý nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà xin ngân hàng tạo điều kiện cho tôi trả dần gốc và miễn giảm lãi.

Thời gian trước đây, Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo và triệu tập vợ chồng bà đến làm việc, thời điểm đó ông T1 có mặt ở nhà nhưng do không có khả năng trả nợ ngân hàng, sợ bị ngân hàng xử lý tài sản thế chấp nên bà và ông T1 không đến Tòa án để làm việc. Sau này, tôi có nhận thay ông T1 một số Văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án, tôi đã thông báo và giao lại cho ông T1. Do ông T1 làm nghề lái xe, thường xuyên đi xa nhà nên không đến tham gia tố tụng tại Tòa án được. Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà trả nợ gốc + lãi, bà nhất trí trả nợ nhưng do khó khăn về kinh tế nên bà xin ngân hàng miễn giảm lãi và cho vợ chồng bà trả dần, mỗi tháng 10-15 triệu. Hiện nay bà đang làm nấu cơm cho công ty, thu nhập bình quân khoảng 6-7 triệu đồng/tháng; còn ông Định mới xin được lái xe thuê, thu nhập bình quân 15-17 triệu đồng/tháng.

- Ông Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T1, bà Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là 296.582.361đ. Trong đó: Nợ gốc là 154.742.579đ; nợ lãi: 124.879.786đ; lãi phạt: 16.959.996đ. Trường hợp bị đơn thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định; về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn phải hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí đã nộp; về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố

tụng và Giấy triệu tập cho bị đơn. Do do ông T1 vắng mặt tại nơi cư, căn cứ khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho bà Đ1-Vợ ông T1 cùng nơi cư trú với ông T1. Bà Đ1 cam đoan sẽ thông báo và giao lại ngay cho ông T1. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T1 hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bà Phạm Thị Đ1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét Hợp hợp đồng tín dụng LD1805800781 ngày 26/02/2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/10/2018; Hợp đồng cho vay LD1936000573 (kênh online), ngày 26/12/2019; Hợp đồng cho vay LD2000800200 (kênh online), ngày 08/01/2020; Hợp đồng cho vay LD2100500782 (kênh online), ngày 05/01/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 19/3/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/02/2018, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng. Do vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Thực hiện thoả thuận của hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã giải ngân cho ông T1, bà Đ1 số tiền 280.000.000đ thông qua Khế ước nhận nợ số LN1802080519056 ngày 26/02/2018 và cho vay thông qua thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán... Ông T1, bà Đ1 đã nhận đủ số tiền vay 280.000.000đ vào ngày 26/02/2018; số tiền 67.000.000đ vào ngày 05/01/2021; số tiền 40.000.000đ vào ngày 26/12/2019; số tiền 29.000.000đ vào ngày 29/10/2018; số tiền 96.000.000đ vào ngày 08/01/2020 và số tiền 4.857.084đ vào ngày 27/10/2021 (là số tiền cơ cấu nợ của Hợp đồng LD2100500782) và định kỳ hàng tháng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông T1, bà Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần V. **Cụ thể:** Khoản vay 280.000.000đ phía bị đơn đã trả được 251.918.686đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/10/2021; khoản vay 29.000.000đ phía bị đơn đã trả được 27.949.288đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 15/10/2021; khoản vay 40.000.000đ phía bị đơn đã trả được 20.668.091đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/10/2021; khoản vay 96.000.000đ phía bị đơn đã trả được 48.192.440đ nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/10/2021; khoản vay 67.000.000đ phía bị đơn đã trả được 13.386.000đ nợ

gốc, vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/11/2021; đối với khoản vay thẻ tín dụng, số tiền bị đơn chưa thanh toán là 13.430.495đ; ngoài ra, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, không có khả năng thanh toán nợ, bà Đ1 đã đề nghị và được Ngân hàng thương mại cổ phần V cơ cấu nợ cho các kỳ trả nợ khoản vay 67.000.000đ. Số tiền cơ cấu nợ bà Đ1 chưa thanh toán là 4.857.084đ. Tổng số nợ gốc bị đơn chưa thanh toán là 154.742.579đ. Phía nguyên đơn nhiều lần đôn đốc, thông báo việc trả nợ, nhưng bị đơn không có điều kiện để trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thanh toán theo thỏa thuận, tính đến ngày 04/8/2024 số tiền lãi còn phải trả là 296.582.361đ. Trong đó: Nợ gốc là 154.742.579đ; nợ lãi: 124.879.786đ; lãi phạt: 16.959.996đ. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng thửa đất số 415, tờ bản đồ số 02, diện tích 430m² và các tài sản trên đất; địa chỉ: Khu dân cư H1 2, phường M1, thị xã K, tỉnh Hải Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị Đ1 là tài sản hợp pháp của bà Đ1, không có tranh chấp. Vì vậy, trường hợp ông T1, bà Đ1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Theo quy định tại Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông T1, bà Đ1 phải có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền này.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 299, 303, 304, 307, 308, 317, 318, 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc bà Phạm Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền, tính đến hết ngày 04/8/2024 là: 296.582.361đ, (*Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 154.742.579đ (*Một trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng*); nợ lãi:

124.879.786đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng*); lãi phạt: 16.959.996đ (*Mười sáu triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày 05/8/2024, cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn T1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 430m² đất, tại thửa đất số 415, tờ bản đồ 02, địa chỉ: Khu dân cư H1 3, phường M1, thị xã K, tỉnh Hải Dương đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất mang tên Phạm Thị Đ1 vào ngày 24/6/2002 và các tài sản trên đất để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Phạm Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền 14.829.118đ (*Mười bốn triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, một trăm mười tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.100.000đ (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0002246 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huấn